**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÒN ĐẤT**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/4/2019.
Về việc: "Xin ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông **Lê Văn An**.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/. Ông Võ Thanh Bình

2/. Bà Phạm Hồng Gái

*Thư ký phiên toà*: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Xin ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ N đơn: Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 4, ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Chị **Hồ Thị Kiều E,** sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thái Tân, xã Mỹ Thái, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay N đơn anh Lê Văn N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn N và chị Hồ Thị Kiều E được gia đình hai bên tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/5/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ tháng 9/2015 cho đến nay thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến

thường xuyên cải vã nhau, chị E bỏ về nhà mẹ ruột sống và hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích, nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị Kiều E.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh N và chị Kiều E có 02 người con chung tên Lê Minh Phương, sinh ngày 22/9/2010 và Lê Thị Ngọc Mai, sinh ngày 20/12/2013. Riêng cháu Phương từ khi sinh ra đã bị khuyết tật, từ ngày chị Kiều E bỏ đi anh N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Ly hôn anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Kiều E phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Hồ Thị Kiều E trình bày như sau*:

Chị Hồ Thị Kiều E và anh N kết hôn với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/5/2013 là đúng. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã nhau, chị bỏ về nhà mẹ ruột sống và ly thân với anh N từ năm 2015 cho đến nay, hiện tại chị đang đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nay anh N yêu cầu được ly hôn với chị thì chị Kiều E cũng đồng ý, do không thể hàn gắn được.

- Về con chung: Có 02 người con chung như anh N trình bày là đúng. Ly hôn chị Kiều E yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị Kiều E đồng ý tự nguyện giao các con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị Kiều E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng N tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Kiều E về việc tự nguyện giao các con chung là các cháu Lê Minh Phương và cháu Lê Thị Ngọc Mai cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Kiều E không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:***

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa anh Lê Văn N và chị Hồ Thị Kiều E. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án*:* Anh Lê Văn N và chị Hồ Thị Kiều E là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/5/2013. Quá trình chung sống giữa anh N và chị Kiều E phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp được với nhau. Nay anh Lê Văn N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với chị Hồ Thị Kiều E. Tại phiên tòa chị Kiều E cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của anh N nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung: Anh N và chị Kiều E đều trình bày giữa anh chị có 02 người con chung tên Lê Minh Phương, sinh ngày 22/9/2010 và Lê Thị Ngọc Mai, sinh ngày 20/12/2013. Ly hôn anh N và chị Kiều E đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải xE xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với sự phát triển của con chung sau này. Tại phiên tòa anh N và chị Kiều E đều trình bày do vợ chồng mâu thuẫn với nhau nên chị Kiều E đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 9/2015 cho đến nay, các con thì ở lại nhà với anh N. Từ sự việc này cho thấy từ tháng 9/2015 cho đến nay, chị Kiều

E bỏ nhà đi anh N là người lo lắng, trực tiếp chăm sóc cho các con. Do đó cần tiếp tục giao các con chung cho anh N chăm sóc nuôi dưỡng để các cháu không bị thay đổi về mặt tâm lý cũng như môi trường sống là điều cần thiết. Mặt khác, đối với cháu Phương từ khi sinh ra đã bị khuyết tật, anh N đã chăm sóc hơn 3 năm nay, thiết nghĩ anh đã quen với tính tình, hiểu được tâm sinh lý cũng như quá trình sinh hoạt của con, do đó việc giao các con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị Kiều E đồng ý giao các con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị Kiều E. Giao cháu Lê Minh Phương, sinh ngày 22/9/2010 và Lê Thị Ngọc Mai, sinh ngày 20/12/2013 cho anh Lê Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh Lê Văn N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xE xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[5] Về nợ chung: Các bên đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xE xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xE xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Lê Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Hồ Thị Kiều E.

2/. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hồ Thị Kiều E. Giao cháu Lê Minh Phương, sinh ngày 22/9/2010 và cháu Lê Thị Ngọc Mai, sinh ngày 20/12/2013 cho anh Lê Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Hồ Thị Kiều E không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do anh Lê Văn N không yêu cầu.

Chị Hồ Thị Kiều E có quyền được thăm nom , chăm sóc con chung khô ng ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/. Về tài sản chung và nợ chung : các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xE xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Anh Lê Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000648 ngày 11/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó anh Lê Văn N không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn An**